

• VIETNAMESE • 베트남 요리 •
• MÓN VIỆT NAM • 越南美食 •



VIETNAMESE BROKEN RICE

쫄개진 쌀밥 정식
CƠM TẮM VIỆT NAM
越式豬扒飯
260.000



**HANOI-STYLE GRILLED PORK
AND VERMICELLI NOODLE**

하노이 분짜
BÚN CHẢ HÀ NỘI
河內風味烤豬肉檬粉
250.000



**BRAISED TOFU AND STRAW MUSHROOM
WITH STEAMED RICE**

버섯을 넣은 두부조림과 흰쌀밥
ĐẬU HŨ KHO NẤM RƠM ĂN KÈM CƠM TRẮNG
紅燒豆腐草菇配白飯
180.000



BEEF NOODLE SOUP

소고기 쌀국수
PHỞ BÒ
越式牛肉湯河粉
200.000



**FRESH SPRING ROLL
WITH PICKLED SHRIMP**

새우 보송롤
GỎI CUỐN TÔM BỔNG
海鮮春捲
150.000



**VIETNAMESE LOTUS ROOT
WITH SHRIMP AND PORK**

연근 새우 돼지고기 샐러드
GỎI NGÓ SEN TÔM THỊT
越式涼拌蓮藕蝦仁豬肉
160.000



**DEEP-FRIED SEAFOOD
SPRING ROLL**

바삭한 해산물 짜조
CHẢ GIÒ HẢI SẢN CHIÊN GIÒN
鮮蝦炸春捲
160.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• SOUTHEAST ASIA • 동남아 요리 •
• MÓN ĐÔNG NAM Á • 东南亚美食 •

MALAYSIA | 말레이시아
MALAYSIA | 馬來西亞



NASI LEMAK
말레이시아 전통 나시르막
CÓM LEMAK
TRUYỀN THỐNG MÃ LAI
椰漿飯
260.000



MALAYSIAN SEAFOOD LAKSA
말레이시아식 해산물 카레 국수
BÚN CARI HẢI SẢN MÃ LAI
馬來西亞海鮮叻沙
220.000



BAK KUT TEH
बाटकेते
CANH SƯỜN HEO
THẢO MỘC
肉骨茶
260.000



MALACCA SEAFOOD MEE GORENG
맥클라카 해산물 미고랭
MÌ XÀO HẢI SẢN KIỂU MÃ LAI
麥克拉卡海鮮炒麵
260.000

THAILAND | 태국 | THÁI LAN | 泰國



PAD THAI
태국식 볶음 쌀국수
PHỞ XÀO KIỂU THÁI
泰式炒河粉
240.000



PAD KRA PAO MOO
SPICY THAI BASIL PORK
태국식 다진 돼지고기 덮밥
CÓM THỊT HEO BẮM KIỂU THÁI
泰式炒肉碎飯
240.000



KHAO PAD SAPPAROD
"FRIED RICE WITH PINEAPPLE"
파인애플 볶음밥
CÓM CHIÊN DỨA
菠蘿炒飯
200.000

INDONESIA | 인도네시아 |
INDONESIA | 印度尼西亞



NASI GORENG
인도네시아식 볶음밥
CÓM CHIÊN INDO
印尼炒飯
260.000



SAYUR LODERH "VEGETABLES COCONUT CURRY STEW"
야채 코코넛 카레
CÀ RI RAU CỦ HẦM NƯỚC CỐT DỪA
椰子什錦蔬菜燉湯
200.000



PANCIT BIHON
필리핀 판싯 볶음국수
BÚN GẠO XÀO
KIỂU PHILIPPINES
菲律賓式炒米粉
200.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• JAPANESE • 일식 •
• MÓN NHẬT BẢN • 日式料理 •

FRIED DISHES | 튀김 | MÓN CHIÊN | 炸物



FRIED OYSTER 10 PCS

굴 튀김 개
HÀU CHIÊN GIÒN
炸蠔
220.000



KARAAGE CHICKEN

닭고기 가라아게
GÀ TẮM BỘT
CHIÊN GIÒN
炸雞塊
200.000



GYOZA

야끼교자
SÙI CẢO NHẬT
餃子
120.000



EDAMAME

에다마메
ĐẬU NÀNH NHẬT
毛豆
60.000

RAMEN | 라멘 | MÌ RAMEN | 拉麵



TONKOTSU

일본식 돈코츠 라멘
MÌ RAMEN THỊT BA CHỈ HẦM KIỂU NHẬT
豬骨拉麵
240.000



CURRY

카레 라멘
MÌ RAMEN CÀ RI MỰC CHIÊN GIÒN
咖哩拉麵
240.000



MISO

미소 라멘
MÌ RAMEN THỊT BA CHỈ NƯỚC DỪNG MISO
味噌拉麵
240.000

ADDITIONAL TOPPING AT 30,000/PER ITEM:

SEASONED SOFT BOILED EGGS | BUTTER CORN | MARINATED BAMBOO | GRILLED TOFU
BLACK MUSHROOM | JALAPENE | FISH CAKE | EXTRA NOODLE | BRAISED PORK BELLY | KIM CHI

추가 토핑 (항목당 30,000): 양념 반숙 계란 | 버터 콘 | 절인 죽순 | 구운 두부 | 목이버섯 | 할라피뇨
어묵 | 면 추가 | 조림 삼겹살 | 김치

TOPPING BỔ SUNG (30.000/MÓN): TRỨNG LÒNG ĐÀO ƯỚP GIA VỊ | BẮP BỐ | MĂNG MUỐI
ĐẬU HŨ NƯỚNG | MỘC NHĨ | ÓT JALAPENO | CHẢ CÁ | THÊM MÌ | THỊT BA CHỈ KHO | KIMCHI

額外配料 (每份 30,000): 調味溏心蛋 | 奶油玉米 | 醃製竹筍 | 烤豆腐 | 黑木耳
墨西哥辣椒 | 魚板 | 加麵 | 滷豬五花 | 韓式泡菜



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• JAPANESE • 일식 •
• MÓN NHẬT BẢN • 日式料理 •

MAKI ROLLS | 마키롤 | CƠM CUỘN MAKI | 壽司卷



SALMON & TOBIKO
연어와 날치알 김밥
CƠM CUỘN CÁ HỒI &
TRỨNG CÁ CHUỒN
三文魚&飛魚籽
180.000



**TUNA, CUCUMBER
& TAMAGO**
참치, 오이, 계란 김밥
CƠM CUỘN CÁ NGỪ,
DƯA LEO, TRỨNG
金鯧魚黃瓜蛋
180.000



PRAWN & CUCUMBER
새우와 오이 김밥
CƠM CUỘN TÔM
& DƯA LEO
蝦&黃瓜
180.000

KUSHIKATSU | 쿠시카츠 | XIÊN QUE CHIÊN XÙ | 串炸



SHRIMP 5 PCS
새우 튀김
TÔM TẮM BỘT
CHIÊN XÙ
蝦仁
220.000



**EGGPLANT &
ZUCCHINI 5 PCS**
가지와 애호박 튀김
CÀ TÍM & BÍ NGÒI
TẮM BỘT CHIÊN XÙ
茄子&西葫蘆
120.000



**WAKAME & SMOKED SALMON
SALAD, SESAME DRESSING**
와카메와 훈제 연어 샐러드, 참깨 드레싱
SALAD RONG BIỂN & CÁ HỒI SỐT MÈ
芝麻燻鮭海藻沙拉
180.000



**GRILLED EEL
WITH RICE - UNAGI DON**
장어구이 덮밥 - 우나기 돈
CƠM LƯƠN NƯỚNG KIỂU NHẬT
日式蒲燒鰻魚飯
310.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• CANTONESE BBQ • 光동식 바비큐 •
• MÓN QUAY QUẢNG ĐÔNG • 粵式燒烤 •



**CHOICE OF TWO BBQ
(ROASTED PORK | ROASTED DUCK
PORK CHAR SIU | PORK FORELEG)**

바비큐 세트 4개의 메인 요리 중 2개 선택 (바삭한 돼지고기 | 오리 구이 | 차슈 | 파로우 족발)
CHỌN 2 TRONG 4 MÓN QUAY (HEO QUAY | VỊT QUAY | XÁ XÍU | GIÒ HEO PHÁ LẤU)
自選以下二款配 (燒豬肉 | 燒鴨 | 叉燒 | 豬手)

280,000

HAINANESE CHICKEN RICE

하이난 치킨 라이스
CƠM GÀ HẢI NAM
新加坡海南雞飯
280.000



**CANTONESE ROASTED
DUCK WITH RICE**

광동식 오리 구이
CƠM VỊT QUAY QUẢNG ĐÔNG
粵式燒鴨
280.000



**SOY MARINATED PORK
FORELEG WITH RICE**

족발 파로우 (양념에 졸인 족발)
CƠM GIÒ HEO PHÁ LẤU
醬油豬手飯
260.000



**PORK CHAR SIU
WITH RICE**

차슈 돼지고기 덮밥
CƠM THỊT HEO XÁ XÍU
叉燒飯
260.000



**ROASTED PORK
BELLY WITH RICE**

바삭한 돼지고기 덮밥
CƠM BA CHỈ QUAY GIÒN DA
燒豬肉飯
280.000



**WONTON NOODLES
WITH BBQ PORK**

차슈 완탕면
MÌ HOÀNH THÁNH XÁ XÍU
叉燒雲吞麵
220.000



ADDITIONAL TOPPING AT 150,000/PER ITEM:

ROASTED PORK | ROASTED DUCK | PORK CHAR SIU | PORK FORELEG

추가 토핑 (항목당 150,000): 구운 돼지고기 | 구운 오리 | 포크 차슈 | 돼지 앞다리살

TOPPING BỔ SUNG (150.000/MÓN): THỊT HEO QUAY | VỊT QUAY | THỊT XÁ XÍU | THỊT CHÂN TRƯỚC HEO

額外配料 (每項 150,000): 燒豬肉 | 燒鴨 | 叉燒 | 豬前腿肉



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• WESTERN • 양식 •
• MÓN ÂU •西餐•



ANGUS BEEF BURGER, CHEDDAR CHEESE, BACON, ONION, BRIOCHE BUN
앵거스 비프 버거
BURGER BÒ ANGUS
安格斯牛肉漢堡, 切達乾酪, 培根
洋蔥, 奶油蛋捲麵包
320.000



BRATWURST HOT DOG, WITH FERMENTED CABBAGE, MUSTARD, KETCHUP
브라트부어스트 핫도그,
발효 양배추, 머스타드 & 케첩
BÁNH MÌ KẼP XÚC XÍCH ĐỨC,
BẮP CẢI, MÙ TẠC, SỐT CÀ CHUA
烤香腸熱狗, 發酵高麗菜, 芥末醬和番茄醬
260.000



BUFFALO CHICKEN WING, BBQ SAUCE, BLUE CHEESE DIPPING
치즈 소스를 곁들인 구운 닭날개
CÁNH GÀ NƯỚNG VỚI SỐT PHÔ MAI
布法羅雞肉捲, 燒烤醬藍紋起司沾醬
220.000



PORK SCHNITZEL, POTATO, BROCCOLINI, PICKLED ONION
돈가스, 으깬 감자, 브로콜리, 피클 양파
THỊT HEO CHIÊN XÙ, KHOAI TÂY,
BÔNG CẢI XANH, HÀNH NGÂM
炸豬排, 土豆, 西蘭花, 醃洋蔥
240.000



FRENCH FRIES
프렌치프라이
KHOAI TÂY CHIÊN
炸薯條
100.000



PIZZA | 피자 | PIZZA | 披薩



HAWAIIAN PIZZA
하와이안 피자
(햄과 파인애플)
PIZZA THỊT NGUỘI
VỚI THƠM
夏威夷披薩
280.000



PIZZA 4 CHEESES, MOZZARELLA, BRIE, BLUE CHEESE, CHEDDAR
가지 치즈 피자
(모짜렐라, 브리, 블루치즈, 체다) (채식)
PIZZE 4 LOẠI PHÔ MAI: MOZZARELLA,
BRIE, BLUE CHEESE, CHEDDAR
四種起司披薩, 馬蘇里拉起司, 布里起司
藍紋乳酪, 切達起司
300.000



PIZZA TOMATO, MOZZARELLA, SPICY CHORIZO, ROASTED CAPSICUM, OREGANO
매운 소시지 치즈 피자
PIZZA XÚC XÍCH CAY
VỚI PHÔ MAI
番茄披薩, 馬蘇里拉奶酪
辣味西班牙辣香腸, 烤甜椒, 牛至
300.000



PIZZA MARGHERITA, FRESH BASIL, EVO OIL
토마토 치즈 피자
PIZZA CÀ CHUA PHÔ MAI
瑪格麗特披薩,
新鮮羅勒橄欖油
280.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyên dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• WESTERN • 양식 •
• MÓN ÂU •西餐•

PASTA | 파스타 | MÌ Ý | 義大利麵



**MAC & CHEESE - BAKED MACARONI
WITH MUSHROOM, GRUYÈRE,
PARMESAN CHEESE**

맥앤치즈. 구운 마카로니, 버섯,
그뤼에르 치즈와 파마산 치즈

NUI SỐT KEM NẤM PHŨ PHÔ MAI

焗烤蘑菇起司通心粉

280.000



**PENNE FUME' PASTA WITH
SMOKED BACON, TOMATO SAUCE,
HEAVY CREAM**

펜네 퓨메 파스타. 훈제 베이컨,
토마토 소스, 헤비 크림

NUI ỐNG SỐT KEM CÀ CHUA

& BA CHỈ XÔNG KHÓI

番茄奶油醬培根筆管麵

240.000



**LINGUINE PASTA
WITH BOLOGNESE
RAGOUT, PARMESAN CHEESE**

볼로네제 라구 소스 링귀니 파스타,
파마산 치즈

MÌ Ý SỐT BÒ BĂM, PHÔ MAI PARMESAN

義大利細扁麵佐波隆那肉醬, 帕瑪森起司

240.000



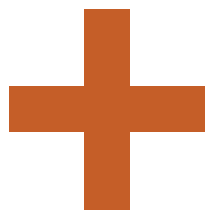
Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyên dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜



TOPPING

토피ング | CÁC LOẠI TOPPING | 加料

15,000

CHEESE FOAM (45gm)

치즈폼

KEM CHEESE

奶蓋

PEARL (30gm/scoop)

타피오카 펄

TRÂN CHÂU

珍珠

ALOE VERA JELLY (30gm/scoop)

알로에 베라 젤리

THẠCH LÔ HỘI

蘆薈果凍

3Q SEA JELLY

3Q 씨젤리

TRÂN CHÂU TRẮNG

白珍珠

AI-YU JELLY

아이위 젤리

THẠCH AIYU

愛玉果凍

HERBAL JELLY

허브 젤리

THẠCH SƯƠNG SÁO

仙草

FRESH JUICE

주스 | NƯỚC ÉP TƯƠI | 果汁

FRESH COCONUT 110,000

신선한 코코넛 | NƯỚC ÉP DỪA TƯƠI | 鮮椰子水

ORANGE 100,000

오렌지 | NƯỚC ÉP CAM TƯƠI | 鮮榨橙

APPLE 100,000

사과 | NƯỚC ÉP TÁO TƯƠI | 鮮榨蘋果

CARROT 100,000

당근 | NƯỚC ÉP CÀ RỐT TƯƠI | 鮮榨胡蘿蔔

PINEAPPLE 100,000

파인애플 | NƯỚC ÉP THƠM TƯƠI | 鮮榨菠蘿

WATERMELON 100,000

수박 | NƯỚC ÉP DỪA HẦU TƯƠI | 鮮榨西瓜

HEALTHY JUICE

헬시 주스 | NƯỚC ÉP TỐT CHO SỨC KHỎE | 健康果汁

PURE CLEANSE	120,000
퓨어 클렌즈 GIẢI ĐỘC CƠ THỂ 芭樂青萍	
REBALANCING	120,000
리밸런싱 CÂN BẰNG DINH DƯỠNG 橙色樂園	
CLEAN BOOST	120,000
클린 부스트 TƯƠI NĂNG LƯỢNG 清潔提升	
GOLDEN GLOW	120,000
골든 글로우 DETOX SÁNG DA - TƯƠI TRẺ 金色光芒	

MATCHA

말차 | TRÀ XANH MATCHA | 抹茶

MATCHA COCONUT CLOUD	120,000
코코넛 말차 NƯỚC DỪA KEM TRÀ XANH 椰子水抹茶	
MATCHA LATTE	80,000
말차 라떼 TRÀ XANH SỮA TƯƠI 抹茶拿鐵	

CENTELLA

스페셜 병풀 주스 | RAU MÁ ĐẶC BIỆT | 特別的積雪草

MUNG BEAN CENTELLA	80,000
또는 센텔라 주스 RAU MÁ ĐẬU XANH 积雪草汁	
COCONUT CREAM CENTELLA	70,000
코코넛 병풀 라떼 RAU MÁ CỐT DỪA 椰奶积雪草汁	
CENTELLA JUICE	60,000
또는 센텔라 주스 NƯỚC ÉP RAU MÁ 积雪草汁	

SMOOTHIES

스무디 | SINH TỐ | 冰沙

M

L

MANGO YOGURT SMOOTHIES 80,000 90,000

망고 요거트 스무디 | SINH TỐ SỮA CHUA XOÀI | 芒果酸奶冰沙

TROPICAL PASSION 120,000

트로피칼 패션 스무디 | SINH TỐ TRÁI CÂY | 熱帶百香果冰沙

WATERMELON BERRY 120,000

수박 베리 | SINH TỐ DƯA HẦU, BERRY | 西瓜莓果冰沙

COCO GREEN (MANGO, BANANA, SPINACH, COCONUT MILK, HONEY) 120,000

COCO GREEN (중) 코코 그린 (망고, 바나나, 시금치, 코코넛 밀크, 꿀)

COCO GREEN (XOÀI, CHUỐI, RAU BINA, SỮA DỪA, MẬT ONG)

COCO GREEN (芒果, 香蕉, 菠菜, 椰奶, 蜂蜜)

BERRY BUST (BERRIES, BANANA, YOGURT, HONEY) 120,000

BERRY BUST (중) 베리 버스트 (베리, 바나나, 요거트, 꿀)

BERRY BUST (QUẢ MỘNG, CHUỐI, SỮA CHUA, MẬT ONG)

BERRY BUST (莓果, 香蕉, 優格, 蜂蜜)

ICE BLENDED

스무디 | ĐÁ XAY | 冰沙

M

L

TWILIGHT CUA DAI 70,000 85,000

트와일라잇 꾸아다이 | TWILIGHT CỬA ĐẠI | 美溪之暮光

RED DRAGON FRUITE 60,000 70,000

레드 드래곤 푸르트 | HỒNG LONG TUYẾT | 紅火龍果冰沙

COCONUT COFFEE 60,000 70,000

코코넛 커피 | CAFE DỪA ĐÁ XAY | 椰子咖啡冰

CHEESE FOAM

치즈우유캡 시리즈 | KEM CHEESE | 芝士奶盖系列

M

L

CHEESE OOLONG TEA 55,000 65,000
치즈 우롱티 | TRÀ OLONG KEM CHEESE | 芝士烏龍茶

BUBBLE MILK TEA

진주 밀크티 | TRÀ SỮA TRÂN CHÂU | 珍珠奶茶

M

L

BROWN SUGAR BOBA FRESH MILK 65,000 75,000
흑설탕 보바 프레시 밀크 | SỮA TƯƠI TRÂN CHÂU ĐƯỜNG ĐEN | 黑糖波霸鮮奶

CREAM BRULEE BOBA MILK TEA 65,000 75,000
크림 브뤼레 보바 밀크티 | TRÀ SỮA BOBA KEM TRÚNG NƯỚNG | 焦糖波霸奶茶

BROWN SUGAR BOBA MILK TEA 60,000 70,000
흑설탕 버블 밀크티 | TRÀ SỮA TRÂN CHÂU ĐƯỜNG ĐEN | 黑糖波霸奶茶

HERBAL JELLY MILK TEA 60,000 70,000
허벌 젤리 밀크티 | TRÀ SỮA SƯƠNG SÁO | 仙草奶茶

THAI MILK TEA 50,000 60,000
타이 밀크티 | TRÀ SỮA THÁI | 泰式奶茶

MILK TEA 50,000 60,000
밀크티 | TRÀ SỮA TRUYỀN THỐNG | 傳統奶茶

SOFT DRINK

청량음료 | NƯỚC NGỌT | 汽水

	Can / Glass
TEA KOMBUCHA STRAWBERRY HEAVEN 스트로베리 헤븐 콤부차 NƯỚC KOMBUCHA DÂU TÂY 草莓樂園康普茶	120,000
TEA KOMBUCHA PASSION MANGO 패션 망고 콤부차 NƯỚC KOMBUCHA XOÀI 百香果芒果康普茶	120,000
HIGHLAND COFFEE 하이랜드 커피 캔 CÀ PHÊ SỮA ĐÓNG LON 高原咖啡罐裝	70,000
POCARI SWEAT 포카리 스웨트 NƯỚC PO CA RI SWEAT 寶礦力	60,000
MORNING RICE 모닝 라이스 (쌀 음료) NƯỚC GẠO MORNING RICE 米汁	70,000
SPRITE 스프라이트 SPRITE 雪碧	50,000
SODA 탄산수 NƯỚC SODA 蘇打水	50,000
COKE ZERO 코카콜라 제로 COKE ZERO 無糖可樂	50,000
COKE LIGHT 코카콜라 라이트 COKE LIGHT 健怡可樂	50,000
COKE 코카콜라 COKE 可樂	50,000

TEA

차 | TRÀ | 茶

RED DATES GINGER	60,000
생강 대추 TRÀ GỪNG TÁO ĐỎ 紅棗薑	
CINNAMON HONEY	60,000
시나몬 허니 티 TRÀ QUẾ MẬT ONG 桂皮蜂蜜	
APPLE CINNAMON	60,000
애플 시나몬 티 TRÀ TÁO QUẾ 蘋果肉桂	
PEPPERMINT	50,000
페퍼민트 티 TRÀ BẠC HÀ 薄荷	
MINT LEMONGRASS	50,000
민트 레몬그라스 티백 TRÀ BẠC HÀ HƯƠNG XẢ 薄荷檸檬草	
CHAMOMILE	50,000
캐모마일 티 TRÀ HOA CÚC 甘菊	
ENGLISH BREAKFAST	50,000
잉글리시 브렉퍼스트 티 TRÀ BUỔI SÁNG 英式	
JASMINE	50,000
자스민 티 TRÀ LÀI 茉莉花	
EARL GREY	50,000
얼그레이 티 TRÀ BÁ TƯỚC 伯爵	

CLASSIC COFFEE

클래식 커피 | CLASSIC COFFEE | 經典咖啡

FLAT WHITE	80,000
플랫 화이트 CÀ PHÊ SỮA TƯƠI 白咖啡	
LATTE	80,000
라떼 CÀ PHÊ LATTE 拿铁	
CAPPUCCINO	80,000
카푸치노 CÀ PHÊ SỮA CAPPUCCINO 卡布奇諾	
AMERICANO	60,000
아메리카노 CÀ PHÊ AMERICANO 美式咖啡	
DOUBLE ESPRESSO	60,000
더블 에스프레소 CÀ PHÊ ESPRESSO (GẤP ĐÔI) 双份浓缩咖啡	
ESPRESSO	50,000
에스프레소 CÀ PHÊ ESPRESSO 浓缩咖啡	

BEER

맥주 | BIA | 啤酒

TSINGTAO	120,000
칭다오 맥주 BIA TSINGTAO 青岛啤酒	
TIGER CAN	80,000
타이거 맥주 캔 BIA TIGER 老虎啤酒	
LARUE CAN	60,000
라루 맥주 BIA LARUE 越南老虎啤酒	
SAIGON BEER	60,000
사이공 맥주 BIA SÀI GÒN 西貢啤酒	

VIETNAMESE COFFEE

베트남 커피 | CÀ PHÊ VIỆT NAM | 越南咖啡

FRESH MILK COFFEE WITH HERBAL JELLY 70,000

허벌 젤리가 들어간 프레스시 밀크 커피 | CÀ PHÊ SỮA TƯƠI SƯƠNG SÁO
仙草鮮奶咖啡

ICE CARAMEL MACCHIATO 70,000

아이스 카라멜 마키아토 | CÀ PHÊ CARAMEL | 焦糖瑪奇朵咖啡

CREAM BRULEE VIETNAMESE MILK COFFEE 65,000

크림 브뤼레 베트남 밀크 커피 | CÀ PHÊ SỮA KEM TRÚNG NƯỚNG
焦糖越南咖啡奶

SALTED COFFEE 60,000

솔티드 커피 | CÀ PHÊ MUỐI | 海鹽咖啡

BAC XIU 60,000

박슈 | BẠC XIU | 白小

VIETNAMESE COFFEE WITH MILK 60,000

베트남 연유 커피 | CÀ PHÊ SỮA ĐÁ VIỆT NAM | 越南咖啡奶

VIETNAMESE BLACK COFFEE 60,000

베트남 블랙 커피 | CÀ PHÊ ĐEN VIỆT NAM | 越南黑咖啡

MINERAL WATER

광천수 | NƯỚC SUỐI | 礦泉水

SAN PELLEGRINO 500ML 140,000

산 펠레그리노 500ML | NƯỚC SAN PELLEGRINO 500ML | 圣培露 500ML

ACQUA PANNA 500ML 140,000

아쿠아 파나 500ML | NƯỚC ACQUA PANNA 500ML | 普娜润肤露 500ML

ALBA 500ML PET 25,000

알바 500ML 페트병 | NƯỚC ALBA 500ML | 阿尔巴 500ML

DASANI WATER 20,000

다사니 생수 | NƯỚC SUỐI DASANI | 達薩尼礦泉水

FRUIT TEA

과일 차 | TRÀ TRÁI CÂY | 水果茶

LYCHEE ROSE TEA	60,000
리치 로즈 티 TRÀ VẢI HOA HỒNG	
荔枝玫瑰茶	
LEMON GREEN TEA	60,000
레몬 그린티 TRÀ XANH CHANH	
檸檬綠茶	
HONEY LEMON ALOE	60,000
허니 레몬 알로에 티 CHANH MẬT ONG LÔ HỘI	
蜂蜜檸檬蘆薈	
BLUEBERRY ROSE TEA	60,000
블루베리 로즈 티 TRÀ VIỆT QUẤT HOA HỒNG	
藍莓玫瑰茶	
STRAWBERRY LEMON TEA	60,000
딸기 레몬 티 TRÀ CHANH DÂU TÂY	
草莓檸檬茶	
KUMQUAT THAI TEA	60,000
금귤 타이 티 TRÀ THÁI TẮC	
金桔泰國茶	
ORANGE PASSION TEA	60,000
오렌지 패션 티 TRÀ CAM CHANH DÂY	
橙汁百香果茶	